

HỘI THẢO QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

LTS: Trong 2 ngày 23 và 24 tháng 2 năm 2011, tại quận Đồ Sơn, Hải Phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã tổ chức Hội thảo Quốc gia lần đầu tiên về khoa học giáo dục Việt Nam. Tham gia Hội thảo có 290 đại biểu đại diện cho 15 sở GD&ĐT, 13 trường đại học, học viện và cao đẳng, các Vụ/Cục, Dự án, cơ quan nghiên cứu của Bộ GD&ĐT, các tổ chức quốc tế và một số cơ quan báo chí. GS.TS. Phạm Vũ Luận, Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã tham dự và phát biểu tổng kết Hội thảo.

Thực hiện kết luận của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được sự đồng ý của Ban tổ chức Hội thảo, Tạp chí Khoa học Giáo dục xin trân trọng giới thiệu một số báo cáo khoa học của các nhà khoa học, các chuyên gia tại Hội thảo này.

VẤN ĐỀ KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI THAY ĐỔI CÁCH NGHĨ, CÁCH LÀM VỀ GIÁO DỤC¹

NGUYỄN THỊ BÌNH
 Nguyên Phó Chủ tịch nước

Giáo dục nước ta đang đứng trước những thách thức và cơ hội chưa từng có do yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững đặt ra trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, khoa học-công nghệ ngày càng tiến triển mạnh mẽ, nhiều vấn đề về môi trường, dân số, khí hậu... nảy sinh theo chiều hướng ngày càng gay gắt. Để đáp ứng yêu cầu mới, rõ ràng giáo dục không thể cứ như hiện nay mà cần phải có sự thay đổi căn bản và toàn diện. Muốn giáo dục thay đổi căn bản và toàn diện thì các quyết sách về giáo dục không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc trước mắt mà còn phải tạo cơ sở để phát triển toàn bộ hệ thống giáo dục với tầm nhìn vài thập kỉ. Như vậy, mỗi quyết sách phải được cân nhắc kĩ càng trên cơ sở những luận cứ khoa học. Việc ngành Giáo dục tổ chức một hội thảo tập hợp các nhà khoa học nghiên cứu về giáo dục trong cả nước là một sáng kiến, một sự tái khởi động cần thiết để chuẩn bị cho những thay đổi căn bản và toàn diện về giáo dục. Đây cũng là một cơ hội tốt để suy ngẫm và thảo luận về khoa học giáo dục cũng như về sự cần thiết phải đổi mới cách nghĩ, cách làm đối với giáo dục.

1. Về khoa học giáo dục

Nói đến khoa học giáo dục là đụng chạm đến một lĩnh vực nghiên cứu phức tạp vào loại nhất:

Phức tạp vì đối tượng của nó là con người từ tuổi ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành và ngày nay, khi loài người mong muốn xây dựng một xã hội học tập, với ý tưởng "giáo dục cho mọi người" và "học suốt đời", thì đối tượng nghiên cứu của khoa học giáo dục lại mở rộng đến con người ở mọi lứa tuổi. Phức tạp, còn vì phạm vi nghiên cứu của khoa học giáo dục ngày càng rộng lớn mà vấn đề được đặt ra để nó giải quyết lại vốn đã tồn tại từ rất lâu song ở mỗi thời đại, mỗi quốc gia, dân tộc lại cần có lời giải đáp riêng của mình. Đó là: "*Con người, trước hết là trẻ em, cần phải học những gì và tại sao lại phải học những điều đó?*" Gần đây hơn, do sự phát triển của xã hội, lại thêm: "*Làm thế nào để mọi trẻ em đều được học và đều học được?*" Dù có nhiều đề tài, đề án nhưng suy đến cùng phải chăng mọi nghiên cứu về khoa học giáo dục đều hội tụ ở chỗ tìm đáp án cho hai câu hỏi đó sao cho phù hợp với thực tiễn đất nước và đặc điểm thời đại?

Với câu hỏi thứ nhất, Lev Tolstoi có nhận xét rằng, tất cả các nhà trường ở tất cả các nước đều cưỡng bức học sinh, bắt trẻ em học theo một chương trình chứa đựng những điều không chắc gì đã

1. Phát biểu tại Hội thảo Khoa học giáo dục toàn quốc do Bộ GD&ĐT tổ chức tại Hải Phòng ngày 24-2-2011.



đúng/ đã cần.² Ngày nay, sau khi Toltoi mất 100 năm, phải chăng đây vẫn đang còn là một vấn đề của chính chúng ta khi nghĩ đến chương trình và sách giáo khoa đã từng có ở nước ta, rồi tình trạng quá tải của chương trình và sách giáo khoa hiện nay cũng như những khó khăn sắp tới đây khi chúng ta xây dựng chương trình và sách giáo khoa để dùng vào cuối thập kỉ này. Rõ ràng cái khó của chúng ta là chọn được nội dung chương trình thích hợp và phổ cập một hệ thống phương pháp giáo dục tiến bộ.

Với câu hỏi thứ hai, có ý kiến cho rằng, làm thế nào để mọi trẻ em đều được học là việc của Nhà nước, còn làm thế nào để mọi trẻ em đều học được, nghĩa là lo về nội dung và phương pháp giáo dục, đó mới là công việc của các nhà khoa học giáo dục. Thực tế là, mọi chủ trương, chính sách về giáo dục đều cần được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục. Những chuyện như phân luồng sau trung học cơ sở, phân hóa ở giáo dục phổ thông, phát triển giáo dục sau trung học, đổi mới quản lí giáo dục v.v... cũng đều thuộc trách nhiệm của các nhà khoa học giáo dục chúng ta.

Ngày nay, vai trò của khoa học giáo dục đối với sự phát triển của giáo dục đã được khẳng định bởi các nhà chính trị cũng như các nhà khoa học. Trong phạm vi toàn cầu, một số tổ chức quốc tế đã phối hợp để tổ chức định kì Hội nghị thế giới về khoa học giáo dục với sự tham dự của hàng nghìn nhà khoa học, nhà giáo, nhà quản lí, đại diện của các tổ chức xã hội dân sự, từ khoảng 80 nước và vùng lãnh thổ. Trong phạm vi quốc gia, các chính phủ cũng ngày càng thấy rõ vai trò quan trọng của khoa học giáo dục. Năm 2002, nước Mĩ đã ban hành hẳn một đạo luật riêng mang tên Luật Cải cách khoa học giáo dục mà nội dung chủ yếu là các quy định về tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Giáo dục. Ở nước ta, vai trò của khoa học giáo dục đã được thể chế hóa. Luật Giáo dục 1998 cũng như Luật Giáo dục 2005, đều có quy định: Nhà nước ưu tiên phát triển khoa học giáo dục và yêu cầu mọi chủ trương, chính sách về giáo dục phải được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục. Tuy nhiên, khoa học giáo dục nước ta chưa thực hiện được vai trò dẫn dắt của mình. Bộ Chính trị (Khóa X) trong Thông báo 242 ngày 15/4/2009 đã nhận định: *Chất lượng nghiên cứu khoa học giáo dục còn bất cập, chưa để ra được những giải pháp kịp thời, có hiệu quả để*

khắc phục hạn chế, yếu kém... Một số chính sách về giáo dục còn chủ quan, duy ý chí, xa thực tế, thiếu sự đồng thuận của xã hội". Trong khi nhiều vấn đề tồn đọng đã lâu chưa có giải pháp thì giáo dục nước ta lại đối mặt với nhiều vấn đề mới nảy sinh mà chưa có nghiên cứu đáng kể nào. Chẳng hạn, các vấn đề: thị trường giáo dục, chiến lược hội nhập quốc tế, triển khai hệ thống giáo dục mở v.v... Như vậy, có thể nói, khoa học giáo dục nước ta đã tụt hậu so với thực tiễn giáo dục; nó không những không phát huy được vai trò làm cơ sở cho việc xây dựng chủ trương, chính sách giáo dục mà trong nhiều trường hợp trở thành thứ khoa học minh họa chính sách.

*** Vì sao lại có tình trạng như vậy?**

Thứ nhất, về động lực nghiên cứu. Sứ mệnh của nhà khoa học, tất nhiên bao gồm cả khoa học giáo dục là tìm chân lí. Sứ mệnh này được thực hiện khi bản thân nhà khoa học có nhu cầu tìm chân lí, coi đó là động lực của mình. Nhưng nhu cầu này chỉ trở thành động lực khi các nhu cầu bậc thấp hơn được thỏa mãn, trong đó có nhu cầu đời sống (ăn, mặc, ở) và nhu cầu an toàn cá nhân. Giải thích về tình trạng cán bộ trong giới khoa học chạy xô với các dự án, các công việc làm thêm, không thực sự dốc toàn tâm toàn ý vào việc nghiên cứu, có ý kiến cho rằng: *"Khoa học khó có thể đi trước bát cơm!"* Để có lời giải thỏa đáng làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách liên quan đến động lực nghiên cứu của các nhà khoa học giáo dục thì có lẽ cần khảo sát, điều tra một cách căn cơ, bài bản.

Thứ hai, về môi trường nghiên cứu. Nhiều ý kiến cho rằng, môi trường nghiên cứu của chúng ta có vấn đề. Các nhân tố ngoài khoa học còn lấn át các nhân tố khoa học. Các nhân tố ngoài khoa học thì có nhiều thứ. Điều các nhà nghiên cứu về khoa học giáo dục muốn nói đến trước hết là sự cởi mở về học thuật, hay nói sát hơn, là *nhu cầu phát huy quyền tự do trong học thuật*. Ở nước ta, cùng với tiến trình đổi mới, quyền tự do trong học thuật cũng đã dần dần được xác lập. Gần đây nhất, trong Chiến lược Phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 vừa được Đại hội Đảng XI thông qua, có ghi: *"Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng*

2. Xem bài Về giáo dục quốc dân, trang 3 - 24, trong tập Đường sống, Văn thư nghị luận chọn lọc, NXB Tri thức, Hà Nội

tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước". Đó là một cam kết quan trọng của Đảng về tự do học thuật. Tuy nhiên, trong thực tế chưa phải là khẩu hiệu hành động của các nhà khoa học giáo dục nước ta. Vì vậy, bên cạnh trách nhiệm của các nhà khoa học giáo dục, chính các nhà quản lí trong ngành Giáo dục cần chủ động tạo ra một môi trường nghiên cứu để nhà khoa học giáo dục an tâm theo đuổi chân lí, dám nói lên chính kiến khoa học của mình, mạnh dạn phản biện chủ trương, chính sách. Bên cạnh đó, cũng cần phải nói thêm, để phát huy tự do tư tưởng trong nghiên cứu còn *rất cần có sự tranh luận giữa các nhà khoa học*. Tình trạng nể nang, ngại va chạm, thiếu tôn trọng trong trao đổi học thuật, tệ nữa là sự đố kỵ cũng đang là rào cản cho sự phát triển khoa học không riêng gì khoa học giáo dục.

Thứ ba, về bộ máy nghiên cứu. Điều đáng mừng là gần đây, theo đề nghị của Bộ GD&ĐT, Chính phủ đã cho lấy lại tên Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam thay cho tên Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục vốn chỉ thể hiện sự hợp nhất của hai viện trước đó mà khi sắp xếp về tổ chức đã đưa một số bộ phận về trường làm hạn chế phạm vi nghiên cứu của Viện. Chủ trương của Chính phủ và của Bộ GD&ĐT cho lấy lại tên Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam là sự khẳng định mạnh mẽ vai trò đầu não của Viện. Để xứng đáng với vai trò đầu não, Viện cần tăng cường những bộ phận nghiên cứu về các môn khoa học có tính chất nền tảng như tâm lí học, đặc biệt là tâm lí lứa tuổi, về khoa học phát triển giáo dục, về triết lí giáo dục, về nguyên lí giáo dục, về giáo dục suốt đời, về kinh tế học giáo dục; đồng thời củng cố những bộ phận nghiên cứu các khoa học có tính chất công cụ, ứng dụng như xây dựng chương trình, phương pháp bộ môn, đo lường giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục v.v... Là cơ quan đầu não nhưng không thể biệt lập và đơn độc, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam phải phối hợp chặt chẽ với Học viện Quản lí Giáo dục và các trường đại học sư phạm, đại học giáo dục, để có những công trình nghiên cứu mở đường cho sự phát triển của giáo dục nước ta.

Cái khó hiện nay của Viện là lực lượng nghiên cứu mỏng, phân tán, trong khi các vấn đề của giáo dục lại nhiều và phức tạp. Thường thì, đối với từng lĩnh vực nghiên cứu phải có một số lượng tới hạn các nhà nghiên cứu chuyên sâu mới có thể làm lĩnh vực đó lên tiếng và cho câu trả lời.

Tiếc rằng, với khoa học giáo dục hiện nay, chúng ta còn thiếu các nhà khoa học đủ thẩm quyền chuyên môn ở một số lĩnh vực, chẳng hạn như thiếu người được đào tạo chuyên sâu về xây dựng chương trình, trong khi đó một nhà nghiên cứu lại san sẻ cho rất nhiều lĩnh vực và nhiều hoạt động ngoài khoa học, vì vậy sản phẩm nghiên cứu thường không sâu. Để khắc phục tình trạng này, Viện cần có giải pháp tập trung lực lượng, tái cơ cấu bộ máy, xác định ưu tiên để lần lượt có lời giải cho những bài toán còn để ngỏ.

2. Về triết lí giáo dục - Sự cần thiết phải đổi mới tư duy giáo dục

Một vấn đề rất quan trọng đối với khoa học giáo dục, có tác dụng chi phối, dẫn dắt, tạo nền cho các công trình nghiên cứu, và tất nhiên cũng chi phối, dẫn dắt, tạo nền cho cả hoạt động thực tiễn về giáo dục, đó là triết lí giáo dục. Vì tầm quan trọng như vậy nên trước những lúng túng, bất cập trong lĩnh vực giáo dục, thời gian vừa rồi mới có ý kiến cho rằng, chúng ta thiếu triết lí giáo dục. Nếu quan niệm triết lí giáo dục là hệ thống lí luận phản ánh sự nhận thức chung nhất đóng vai trò chỉ đạo hoạt động giáo dục... thì có lẽ không phải chúng ta không có triết lí giáo dục. Nhưng trước những đòi hỏi mới đối với sự nghiệp giáo dục, cần và có thể bổ sung, điều chỉnh triết lí giáo dục của chúng ta cho phù hợp, mà quan niệm về mục tiêu đào tạo là một nội dung tập trung và cụ thể.

Chúng ta đều biết, ngay sau khi thành lập nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, xuất phát từ việc tự nhận thức "*một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*", Bác Hồ đã xác định, để giữ vững độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân thì nhiệm vụ khẩn cấp của giáo dục là xây dựng hệ thống giáo dục bình dân nhằm "*diệt giặc dốt*". Bác cũng từng đặt kì vọng vào việc giáo dục thế hệ trẻ để đưa nước ta đến chỗ sánh vai cùng cường quốc năm châu. Chính phủ ngay sau đó cũng đã xác định mục tiêu của nền giáo dục mới là: "*Tôn trọng nhân phẩm, rèn luyện chí khí, phát triển tài năng*" và khẳng định tính chất cơ bản của nền giáo dục là "*dân tộc, khoa học, đại chúng với tôn chỉ phụng sự lí tưởng quốc gia và dân chủ*". Cuộc cải cách giáo dục năm 1950, chủ yếu về giáo dục phổ thông, một lần nữa tái khẳng định tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng với mục tiêu đào tạo những người "*công dân lao động tương lai*".



Khi đất nước được thống nhất, nhiệm vụ của nền giáo dục quốc dân đã được xác định lại là: *"chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ ngay từ tuổi thơ ấu cho đến lúc trưởng thành, nhằm tạo ra cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt Nam mới, người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện"*. Để thực hiện điều đó, nguyên lí giáo dục là: *"Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội"*. Đặc biệt, ngay từ thời kì đó, tư tưởng học tập thường xuyên và vai trò của giáo dục không chính quy đã được nhấn mạnh.

Sau Đại hội VI, trong quá trình đổi mới, cùng với việc tiếp tục theo đuổi mục tiêu giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ và lược bỏ những tiêu chí mang tính ý chí luận (như đào tạo con người Việt Nam mới và làm chủ tập thể), đã có thêm những quan điểm mới về sứ mạng của giáo dục (nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài), về vai trò của giáo dục (cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển) cũng như xác định sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước và nhân dân (chủ trương xã hội hóa giáo dục và xác lập tư cách pháp nhân của nhà trường ngoài công lập). Tuy nhiên, những quan điểm mới có nhiều phần lâm vào tình trạng chưa thực sự được quán triệt, còn dừng ở các văn kiện (như vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục) hoặc bị lệch lạc trong quá trình triển khai (xã hội hóa giáo dục được nhấn mạnh về huy động nguồn lực và thậm chí giảm nhẹ vai trò của Nhà nước). Thực tiễn đã chứng tỏ, so với những chuyển biến về tư duy kinh tế thì tư duy giáo dục đổi mới một cách chậm chạp, thậm chí có thể nói là trì trệ dẫn đến tình trạng làm nảy sinh những yếu kém, bất cập trên diện rộng (như nặng về thi cử, bằng cấp, biến nền giáo dục trở thành một hệ thống ứng thí). Đáng lo ngại là, trong tư duy giáo dục, chưa thực sự coi trọng những khía cạnh nhân bản, sự phát triển cá nhân, duy trì dạy kiến thức một cách nhồi nhét áp đặt, xem nhẹ việc dạy làm người, dạy cách nghĩ, cách học.

Ngày nay, chúng ta lại bước vào một giai đoạn mới của phát triển đất nước. Giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa để trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 trong bối cảnh thế giới đi vào kinh tế tri thức. Giáo dục của ta đứng trước những yêu cầu

mới cao hơn. Đó là thách thức rất lớn. Để xác định triết lí giáo dục, trước hết là mục tiêu giáo dục cho hiện nay và cho tương lai 10-20 năm tới, cần có tổng kết sâu sắc về sự phát triển giáo dục trong ít nhất 10 năm qua; đồng thời xem xét hướng phát triển của giáo dục thế giới. UNESCO gần đây đã nêu ra bốn cột đỡ của giáo dục: học để biết, để làm, để làm người, để chung sống, có thể xem đó là sự gợi ý rất quan trọng giúp chúng ta đổi mới tư duy giáo dục, hoàn thiện triết lí giáo dục, cũng như cụ thể hóa mục tiêu giáo dục của chúng ta.

3. Kết luận

Để đất nước ta tồn tại và phát triển trong bối cảnh thế giới ngày nay, phải nâng cao trí tuệ và năng lực của con người Việt Nam. Vì vậy, giáo dục không thể cứ như hiện nay mà cần phải có sự thay đổi căn bản và toàn diện, một sự bứt phá thực sự. Đó chính là lí do khiến cho nhiều nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lí giáo dục đề xuất phải cải cách giáo dục, với quan niệm cải cách giáo dục là sự thay đổi căn bản, sâu sắc và toàn diện về mô hình phát triển và mục tiêu của cả hệ thống giáo dục, trái hẳn với cách đổi mới giáo dục mà chúng ta từng thực hiện trong suốt những năm vừa qua, vốn chỉ nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc bằng giải pháp tình thế, vừa không đồng bộ vừa thiếu hệ thống. Tất nhiên, trong cuộc thay đổi căn bản, sâu sắc, toàn diện như vậy, các nhà khoa học giáo dục phải là người đóng vai trò nòng cốt trong việc xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách về giáo dục.

SUMMARY

This article addresses the issue of education science and the need of change in educational thinking and acting. According to the author, for Vietnam to survive and develop in this modern world the knowledge and capacities by Vietnamese have to be enhanced. For that there shall be an education reform. Education reform is a basic, radical and comprehensive change in development model and objectives for the whole education system, detailed in guiding principles, system structure, curriculum contents, teaching and learning methods, teacher training, qualifying and remunerating, school organization and management as well as the social participation in education.